



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Bà: Nguyễn Thị Kim Tuyết

Năm sinh: 1954, CMND số: 021356204

Địa chỉ thường trú: 29 đường 16, khu phố Vĩnh Thuận, phường Long Bình, quận 9, TpHCM.

CS 330035

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 809, tờ bản đồ số: 3
b) Địa chỉ: Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, TP.HCM
c) Diện tích: 887.6m², (bằng chữ: Tám trăm tám mươi bảy phẩy sáu mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
đ) Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị
e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất: 603.0m²; Nhận thừa kế đất được Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất: 284.6m²

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú:

- Vị trí nhà đất thuộc quy hoạch đất ở hiện hữu cải tạo theo Quyết định số 5343/QĐ-UBND ngày 26/9/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Lộ giới đường số 63 là 16m.
- Hợp đồng chuyển nhượng số 11487 do Văn phòng Công chứng Lê Văn Dũng chứng nhận ngày 18/9/2019.
- Giấy chứng nhận này được hợp từ một phần Giấy chứng nhận số CM 776053 (CH05191) ngày 29/01/2019 do Ủy ban nhân dân quận 2 cấp và Giấy chứng nhận số CO 923743 (CS05501) ngày 26/12/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố cấp.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 5 năm 2020
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP.HCM
TUQ. GIÁM ĐỐC SỞ
PHÓ GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI



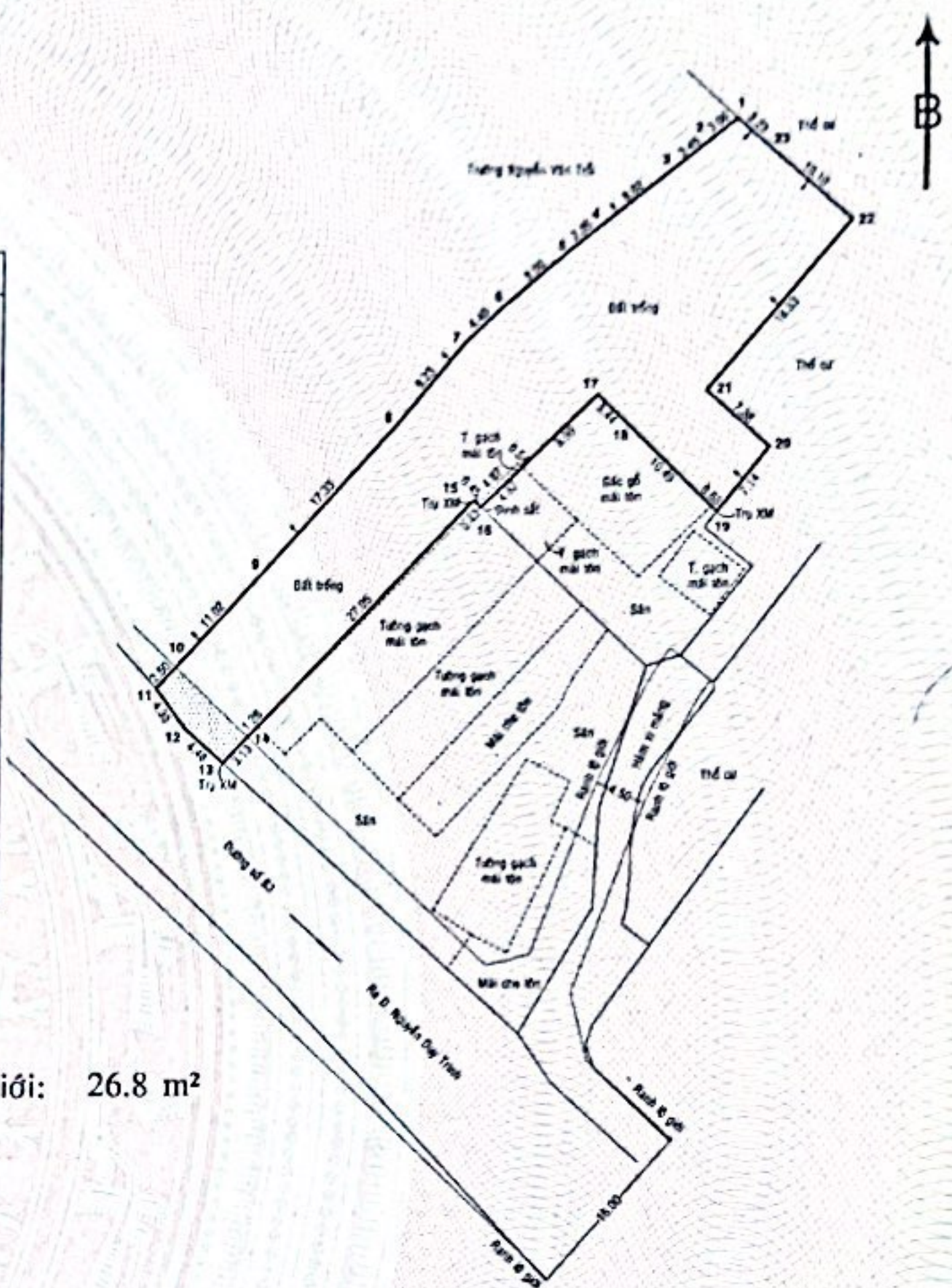
Lê Thành Phương


Số vào sổ cấp GCN: CS05586

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

BẢNG LIỆT KÊ TỌA ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Tọa độ		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1193412.19	612191.67	
2	1193410.33	612189.24	3.06
3	1193408.22	612186.50	3.45
4	1193402.98	612179.66	8.62
5	1193401.55	612177.80	2.35
6	1193396.43	612171.65	8.00
7	1193393.43	612168.43	4.40
8	1193386.38	612162.47	9.23
9	1193373.58	612150.78	17.33
10	1193365.50	612143.29	11.02
11	1193363.68	612141.58	2.50
12	1193360.18	612144.17	4.35
13	1193357.21	612147.54	4.48
14	1193359.47	612149.71	3.13
15	1193379.88	612169.32	28.31
16	1193379.28	612169.95	0.88
17	1193388.88	612179.96	13.86
18	1193386.49	612182.42	3.44
19	1193378.63	612190.35	11.17
20	1193384.18	612194.84	7.14
21	1193389.12	612189.35	7.38
22	1193403.37	612201.65	18.83
23	1193410.05	612194.08	10.10
1	1193412.19	612191.67	3.23



 Phần diện tích đất trong lộ giới: 26.8 m²

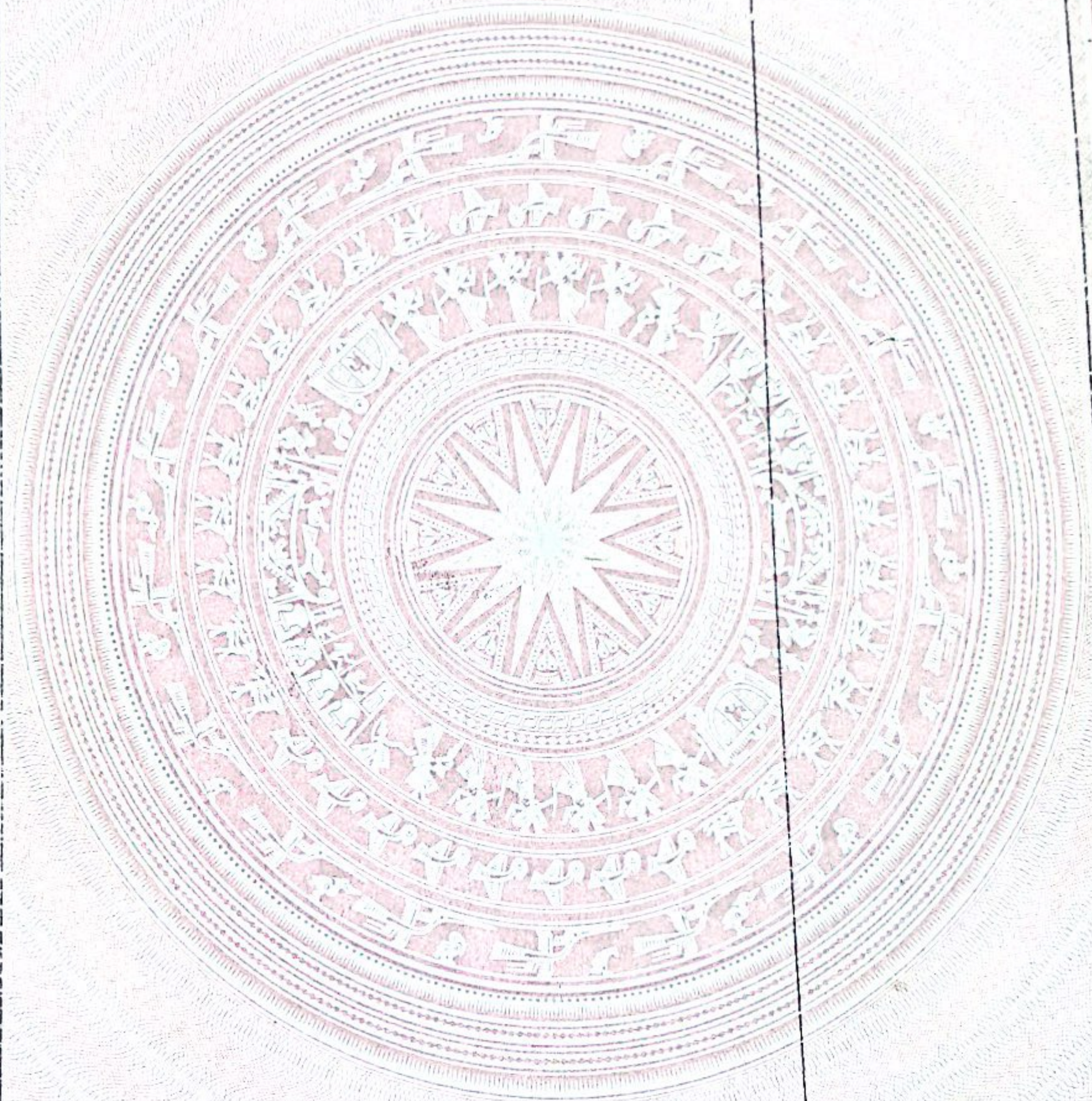
IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2 7 0 9 7 2 0 0 0 5 8 9